STT	GIAO DỊCH	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA	LOẠI PHÍ
I	**CHUYỂN TIỀN ĐI**				
1.1	Phát hành điện chuyển tiền	**0,25%**	**10 USD**	**Không thấp hơn 400 USD**	**2**
	Trường hợp người gửi tiền trong nước chịu toàn bộ phí (OUR)	**Phí SHB + Phí NHNN**			
1.2	Sửa đổi lệnh chuyển tiền	**5 USD/lần + Phí NN (nếu có)**			**1**
1.3	Tra soát lệnh chuyển tiền	**5 USD/lần**			**3**
1.4	Huỷ lệnh chuyển tiền	**10 USD + Phí NHNN (nếu có)**			**1**
1.5	Phí theo dõi tờ khai nhập khẩu	**30 USD**			**3**
1.6	Phát hành Bank draft	**0,15%**	**5 USD**	**150 USD**	**1**
1.7	Xác nhận mang chuyển ngoại tệ ra nước ngoài	**0,15%**	**5 USD**	**100 USD**	**1**
II	**NHẬN CHUYỂN KHOẢN ĐẾN TỪ NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**				
2.1	Phí ghi Có				
2.1.1	Đơn vị thụ hưởng là Tổ chức	**0,1%**	**5 USD**	**200 USD**	**2**
2.1.2	Đơn vị thụ hưởng là Cá nhân				
	- Tiền Kiều hối	**0,05%**	**2 USD**	**100 USD**	**1**
	- Khác	**0,1%**	**2 USD**	**100 USD**	**2**
2.2	Phí thu từ ngân hàng chuyển tiền đi (OUR)	**0,1%**	**10 USD**	**100 USD**	**1**
2.3	Tra soát tiền về	**Điện phí tra soát**			**1**
2.4	Thoái hối lệnh chuyển tiền	**10 USD**			**1**
III	**NHỜ THU NHẬP KHẨU**				
3.1	Thông báo nhờ thu	**5 USD**			**3**
3.2	Thông báo chấp nhận thanh toán nhờ thu	**15 USD**			**2**

3.3	Thanh toán nhờ thu	**0,25%**	**10 USD**	**Không thấp hơn 400 USD**	**2**
3.4	Phạt chậm thanh toán nhờ thu *(đối với nhờ thu trả chậm đã chấp nhận thanh toán với nước ngoài)*	**20 USD**			**1**
3.5	Tra soát nhờ thu	**10 USD/ lần**			**3**
3.6	Ký hậu vận đơn	**10 USD**			**1**
3.7	Từ chối thanh toán/ huỷ nhờ thu theo yêu cầu của người xuất khẩu	**10 USD + chi phí thực tế**			**1**
3.8	Phí cầm giữ bộ chứng từ	**50 USD/ bộ/ tháng**			**3**
3.9	Xử lý nhờ thu *(Thu từ người xuất khẩu)*	**30 USD**			**1**
IV	**NHỜ THU XUẤT KHẨU**				
4.1	Nhận và xử lý nhờ thu	**5 USD**			**3**
4.2	Thanh toán kết quả nhờ thu	**0,15%**	**10 USD**	**200 USD**	**1**
4.3	Tra soát/ tu chỉnh	**Theo thực tế**			**3**
4.4	Huỷ nhờ thu	**10 USD + phí NN (nếu có)**			**1**
V	**TÍN DỤNG THƯ NHẬP KHẨU**				
5.1	Phát hành LC				
5.1.1	- Ký quỹ 100%	**0,075%**	**20 USD**	**Không thấp hơn 300 USD**	**1**
5.1.2	- Ký quỹ dưới 100%	**Phần ký quỹ: 0,075%** **Phần chưa ký quỹ: 0,15%**	**30 USD**	**Không thấp hơn 400 USD**	**Phần ký quỹ: 1** **Phần chưa ký quỹ: 2**

5.1.3	Trường hợp nội dung LC quá dài, phải lập điện 701	**Thu thêm 20USD**			**1**
5.1.4	Phí theo dõi đối với LC có thời hạn trên 06 tháng (tính từ ngày phát hành LC, thu khi phát hành LC/ sửa đổi LC)	**30 USD**			**3**
5.2	Sửa đổi LC				
5.2.1	Sửa tăng tiền	**Như phí mở LC (cho giá trị tăng thêm)**	**20**	**Không thấp hơn 200 USD**	**2**
5.2.2	Sửa khác				
	- Khách hàng trong nước trả phí	**10 USD**			**1**
	- Khách hàng nước ngoài trả phí	**40 USD**			**1**
5.4	Ký hậu vận đơn/ uỷ quyền nhận hàng				
	- Khi chứng từ về khách hàng	**10 USD**			**2**
	- Khi chứng từ về ngân hàng	**5 USD**			**2**
5.5	Ký cargo receipt/ bảo lãnh nhận hàng	**50 USD**			**2**
5.6	Chấp nhận hối phiếu có kỳ hạn				
	Ký quỹ 100%	**0,05%/tháng**	**30 USD**		**1**
	Ký quỹ dưới 100%	**Phần ký quỹ: 0,05%/tháng** **Phần chưa ký quỹ: 0,1%/tháng**	**50 USD**		**1**
5.7	Thanh toán LC	**0,25%**	**20 USD**	**Không thấp hơn 400 USD**	**2**
5.8	Huỷ LC	**20 USD**			**1**
5.9	LC xác nhận				

5.9.1	Phát hành LC	**Như phí mở LC thông thường + phí NH xác nhận (nếu có)**			**1**
5.9.2	Phí thu xếp xác nhận LC	**50 USD**			**2**
5.9.3	Sửa đổi LC	**Như phí sửa L/C + phí NH xác nhận (nếu có)**			**1**
5.10	Phí xử lý chứng từ (thu từ người hưởng lợi	**30 USD**			**1**
5.11	Phí sai sót chứng từ	**80 USD**			**1**
5.12	Sơ báo L/C (Pre-advice)	**40 USD**			**1**
5.13	Phí tư vấn phát hành LC đặc biệt phức tạp theo yêu cầu của Khách hàng	**Theo thoả thuận**	**20 USD**	**Không thấp hơn 500 USD**	**3**
VI	**TÍN DỤNG THƯ XUẤT KHẨU**				
6.1	Thông báo LC				
	- Khách hàng có TK tại SHB	**15 USD**			**2**
	- Khách hàng không có TK tại SHB	**20 USD**			**2**
6.2	Chuyển tiếp LC qua NH khác	**20 USD**			**1**
6.3	Thông báo sửa đổi LC	**10 USD**			**2**
6.4	Chuyển tiếp sửa đổi qua NH khác	**15 USD**			**1**
6.5	Nhận và xử lý chứng từ				
	- LC được thông báo qua SHB	**10 USD**			**1**
	- LC không được thông báo qua SHB	**15 USD**			**1**
6.6	Chiết khấu/thương lượng chứng từ có truy đòi theo LC	**Theo lãi suất cho vay ngắn hạn**			**1**
6.7	Thanh toán bộ chứng từ	**0,15%**	**10 USD**	**200 USD**	**1**
6.8	Chuyển nhượng LC	**0,15%**	**30 USD**	**500 USD**	**1**
6.9	Tu chỉnh chuyển nhượng				
	- Trong nước	**20 USD**			**1**

	- Nước ngoài	**50 USD**			**1**
6.10	Xác nhận LC	**Theo thoả thuận**			**1**
6.11	Hủy LC	**10 USD**			**1**
VII	**ĐIỆN PHÍ**				
7.1	Phát hành LC, sơ báo LC, thông báo chuyển nhượng LC/ phát hành Bảo lãnh	**20 USD**			**1**
7.2	Điện phí chuyển tiền	**5 USD**			**1**
7.3	Điện phí tu chỉnh, chấp nhận thanh toán, đòi tiền, xác nhận	**10 USD**			**1**
7.4	Điện khác	**10 USD**			**1**
VIII	**PHÍ KHÁC**				
8.1	Phí xác nhận thanh toán để xin giấy phép nhập khẩu tự động	**5 USD**			**1**
8.2	Mã khoá, các hình thức xác nhận tính chân thực (người hưởng, ngân hàng hưởng…)	**30 USD**			**2**
8.3	Phí điện khẩn	**100 USD/ giao dịch**			**2**
8.4	Cung cấp sao kê điện	**1 USD/ điện**			**1**
8.5	Cung cấp sao kê điện quá 6 tháng	**5 USD/ điện**			**1**

Ghi chú

1. Biểu phí này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)

2. SHB không hoàn lại phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu theo biểu phí dịch vụ này trong trường hợp khách hàng hoặc ngân hàng nước ngoài yêu cầu hủy bỏ giao dịch trước đó.

3. Trường hợp các giao dịch quy định phí không do bên yêu cầu thực hiện giao dịch chi trả nhưng ngân hàng không thể thu được phí từ bên chỉ định, bên yêu cầu thực hiện giao dịch vẫn có nghĩa vụ cuối cùng chi trả các phí đó.

4. Các loại phí tính bằng tỷ lệ phần trăm trên trị giá giao dịch được hiểu là tỷ lệ phần trăm x trị giá giao dịch không bao gồm dung sai giá trị.

5. Những chi phí phát sinh ngoài biểu phí như dịch vụ bưu phẩm, chuyển phát nhanh, fax, telex,…chi phí ngân hàng trung gian sẽ được thu thêm theo thực tế.

6. Phí dịch vụ thu bằng USD, VND hoặc ngoại tệ khác quy đổi tương đương theo tỷ giá bán ngoại tệ chuyển khoản của SHB tại thời điểm thu phí.

7. Những dịch vụ không được liệt kê ở biểu phí này sẽ được SHB thông báo cho khách hàng khi phát sinh giao dịch.

8. Biểu phí này có thể được thay đổi hoặc điều chỉnh theo chính sách của SHB tại từng thời kỳ.